Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8426.30.00

Mã HS	8426.30.00
Mô tả hàng hóa	Cổng trục của tàu thủy; cần trục, kể cả cần trục cáp; khung nâng di động, xe chuyên chở kiểu khung đỡ cột chống và xe công xưởng có lắp cần cẩu / - Cần trục cổng hoặc cần trục cánh xoay
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 16:29:36
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/84263000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13615
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13615
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13615
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E12913
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12854
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12854
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12854
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12854
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12854
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12854
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E12908
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12908

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12908
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12908
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12908
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12908
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12909
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12909
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12909
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12909
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12909
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12909
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F12912
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12860
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F12868
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G12868
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H12868
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I12868
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J12868
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K12868
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12899
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12899
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12899
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12899
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12899
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12899
VCFTA	2022	2022	0	VC!D12948
VCFTA	2023	2023	0	VC!E12948

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F12948
VCFTA	2025	2025	0	VC!G12948
VCFTA	2026	2026	0	VC!H12948
VCFTA	2027	2027	0	VC!I12948
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D12931
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E12931
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F12931
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G12931
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H12931
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I12931
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D12931
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E12931
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F12931
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G12931
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H12931
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I12931
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D12946
EVFTA	2023	2023	1,6	EV-NK!E12946
EVFTA	2024	2024	0,8	EV-NK!F12946
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G12946
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H12946
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12946
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D12945
UKVFTA	2023	2023	1,6	UKV!E12945
UKVFTA	2024	2024	0,8	UKV!F12945
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G12945

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H12945
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12945
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12925
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12925
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12925
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12925
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12925
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12925
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12925
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D12933
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E12933
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F12933
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G12933
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H12933
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I12933
RCEP B	2022	2022	0	B!D12933
RCEP B	2023	2023	0	B!E12933
RCEP B	2024	2024	0	B!F12933
RCEP B	2025	2025	0	B!G12933
RCEP B	2026	2026	0	B!H12933
RCEP B	2027	2027	0	B!I12933
RCEP C	2022	2022	0	C!D12933
RCEP C	2023	2023	0	C!E12933
RCEP C	2024	2024	0	C!F12933
RCEP C	2025	2025	0	C!G12933
RCEP C	2026	2026	0	C!H12933

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I12933
RCEP D	2022	2022	0	D!D12932
RCEP D	2023	2023	0	D!E12932
RCEP D	2024	2024	0	D!F12932
RCEP D	2025	2025	0	D!G12932
RCEP D	2026	2026	0	D!H12932
RCEP D	2027	2027	0	D!I12932
RCEP E	2022	2022	0	E!D12936
RCEP E	2023	2023	0	E!E12936
RCEP E	2024	2024	0	E!F12936
RCEP E	2025	2025	0	E!G12936
RCEP E	2026	2026	0	E!H12936
RCEP E	2027	2027	0	E!I12936
RCEP F	2022	2022	0	F!D12933
RCEP F	2023	2023	0	F!E12933
RCEP F	2024	2024	0	F!F12933
RCEP F	2025	2025	0	F!G12933
RCEP F	2026	2026	0	F!H12933
RCEP F	2027	2027	0	F!I12933
VIFTA	2024	2024	4.3	VI!F11993
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G11993
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H11993
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I11993

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)		12/2022/TT-BGTVT, 62/2024/TT-BGTVT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	SPHH không phải KTNN về CL khi NK (01/2021/TT-BLĐTBXH)		01/2021/TT-BLĐTBXH	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8426.30.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 8426.30.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13615), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)
SPHH không phải KTNN về CL khi NK (01/2021/TT-BLĐTBXH)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.